

BỘ XÂY DỰNG
CỤC KINH TẾ - QUẢN LÝ
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KTQLXD-TCCS

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

V/v thông báo kết quả thẩm định
BCNCKT ĐTXD công trình Nhà ở
thấp tầng của dự án Khu đô thị mới
Hậu Nghĩa – Đức Hòa

Kính gửi: Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh

Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng - Bộ Xây dựng đã nhận Tờ trình số 98/2025/TPX/PTDA ngày 06/03/2025 của Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Nhà ở thấp tầng của dự án Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa tại thị trấn Hậu Nghĩa, xã Đức Lập Thượng, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ mã số 000.00.00.G17-250313-0009 ngày 13/3/2025).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14 (Luật Xây dựng).

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng (Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).

Sau khi xem xét, Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh dự án như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Dự án: Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa.

Hạng mục thẩm định: Nhà ở thấp tầng.

2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình thuộc dự án: Dự án nhóm A, công trình dân dụng, cấp III (thuộc dự án có công trình cấp I); thời hạn sử dụng công trình 50 năm.

3. Người quyết định đầu tư: Bà Nguyễn Thục Hiền – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh.

4. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh; địa chỉ: Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Hậu Nghĩa, xã Đức Lập Thượng, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

6. Tổng mức đầu tư dự án Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa: Khoảng 28.257,877 tỷ đồng.

- Tổng mức đầu tư hạng mục thẩm định: Khoảng 10.652,2 tỷ đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của chủ đầu tư (vốn khác).

8. Thời gian thực hiện: Đến khoảng tháng 10/2029 (06 năm kể từ ngày có Quyết định số 9763/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An chấp thuận nhà đầu tư).

9. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng của Việt Nam.

10. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở: Công ty cổ phần Vinhomes.

11. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Thiên Phúc Việt Nam.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý

1.1. Pháp lý về đầu tư

- Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Quyết định số 9763/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An chấp thuận nhà đầu tư là Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh thực hiện dự án Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

1.2. Pháp lý về quy hoạch

- Quyết định số 3426/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Quyết định số 9916/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Quyết định số 15934/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu vực thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Quyết định số 18836/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

1.3. Pháp lý về đánh giá tác động môi trường

- Quyết định số 3373/QĐ-BTNMT ngày 22/10/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa.

1.4. Pháp lý về thỏa thuận đầu nối hạ tầng và các pháp lý khác

- Văn bản số 84/2024/ĐTĐH ngày 03/10/2024 của Công ty Cổ phần Đô thị Đức Hòa xác nhận thỏa thuận đầu nối cấp nước cho dự án.

- Văn bản số 2678/SNN-PTNTTL ngày 23/4/2024 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Long An ý kiến đầu nối thoát nước của dự án.

- Văn bản số 963/ĐLĐHo-KHKT ngày 07/10/2024 của Điện lực Đức Hòa về phúc đáp cấp điện cho dự án.

- Văn bản số 16230/UBND-SX ngày 10/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa về việc thỏa thuận đầu nối giao thông dự án.

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế

- Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng lập tháng 01/2024.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh lập tháng 3/2025.

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu

3.1. Nhà thầu lập khảo sát xây dựng

- Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng Thiên Phúc Việt Nam có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00002005 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 13/11/2019, thời hạn hiệu lực đến ngày 26/6/2027.

- Chủ trì khảo sát xây dựng công trình: Nguyễn Tiến Dũng có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00002654 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 17/6/2022, thời hạn hiệu lực đến ngày 17/6/2027.

3.2. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế cơ sở

- Công ty Cổ phần Vinhomes có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-000016361 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 21/3/2024, thời hạn đến ngày 13/5/2029.

- Chủ nhiệm thiết kế xây dựng và chủ trì thiết kế kiến trúc công trình: Nguyễn Hồng Hoa có chứng chỉ hành nghề kiến trúc số HAN-18-2024-02 do Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội cấp ngày 08/7/2024, thời hạn đến ngày 08/7/2034.

- Chủ trì thiết kế phần kết cấu công trình: Nguyễn Sơn Tùng có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00144673 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 17/6/2022, thời hạn đến ngày 17/6/2027.

- Chủ trì thiết kế cơ - điện công trình: Nguyễn Anh Hào có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00053534 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 29/8/2022, thời hạn đến ngày 29/8/2027.

- Chủ trì thiết kế cấp, thoát nước công trình: Lê Hồng Sơn có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00097685 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng
- Bộ Xây dựng cấp ngày 28/7/2020, thời hạn đến ngày 28/7/20250.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Quá trình triển khai thực hiện dự án

Dự án Khu đô thị mới Hậu Nghĩa – Đức Hòa được thực hiện trên khu đất tại thị trấn Hậu Nghĩa, xã Đức Lập Thượng, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An có diện tích khoảng 197,2ha.

Bảng 1: Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất

TT	Hạng mục	Diện tích đất (m ²)	Tỷ lệ (%)	
A	ĐẤT DÂN DỤNG	1.933.654,2	100	
1	Đất công trình dịch vụ, công cộng cấp đô thị	111.620,6	5,8	98,0
2	Đất cây xanh, mặt nước sử dụng công cộng cấp đô thị	177.550,9	9,2	
3	Đất trường học cấp đô thị (Trường trung học phổ thông)	25.062,1	1,3	
4	Đất giao thông đô thị	191.723,8	9,9	
4.1	Đất đường giao thông cấp đô thị	161.407,0		
4.2	Đất bãi đỗ xe	30.316,8		
5	Đất đơn vị ở, nhóm ở độc lập	1.427.696,8	73,8	
5.1	Đất công trình dịch vụ, công cộng cấp đơn vị ở	58.503,0		
5.2	Đất cây xanh, mặt nước sử dụng công cộng cấp đơn vị ở	179.002,7		
5.3	Đất trường học cấp đơn vị ở	72.603,4		
5.4	Đất ở mới (nhà biệt thự, liền kề, nhà ở xã hội, chung cư cao tầng, thương mại cao tầng,...)	758.448,7		
5.5	Đất giao thông, bãi đỗ xe đơn vị ở	359.139,0		
B	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	38.525,8	100	
1	Đất cơ quan	8.211,7	21,3	2,0
2	Đất hạ tầng kỹ thuật	29.126,5	75,6	
3	Đất cây xanh chuyên dụng	1.187,6	3,1	
	TỔNG	1.972.180,0		100,0

Dự án đã được Cục Quản lý hoạt động xây dựng thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hạng mục Hạ tầng kỹ thuật, giao thông tại Văn bản số 82/HĐXD-QLDA ngày 28/02/2025; Sở Xây dựng tỉnh Long An cấp Giấy phép xây dựng số 97/GPXD ngày 14/3/2025. Đến nay, Dự án chưa triển khai thi công.

Chủ đầu tư trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Nhà ở thấp tầng thuộc dự án gồm 4.176 công trình Nhà ở liền kề (tại các ô

đất LK-001 đến LK-276) và 396 công trình Nhà ở biệt thự (tại các ô đất từ BT-001 đến BT-030).

2. Phương án kiến trúc

2.1. Nhà ở liền kề

Các công trình Nhà ở liền kề thực hiện xây dựng trên các ô đất ký hiệu từ LK-001 đến LK-276, bố trí 4.176 công trình quy mô số tầng cao 04 tầng.

Bảng 2: Chỉ tiêu quy hoạch Nhà ở liền kề (LK-001 đến LK-276)

TT	Tên ô đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn XD (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Số công trình
1	LK-001	703,5	563,1	1.872,1	81,4	2,7	06
2	LK-002	846,0	651,4	2.187,9	78,9	2,7	07
3	LK-003	846,0	651,4	2.187,9	78,9	2,7	07
4	LK-004	954,2	746,8	2.502,8	80,1	2,7	08
5	LK-005	933,1	712,1	2.391,5	78,3	2,6	07
6	LK-006	828,8	620,7	2.081,4	76,7	2,6	06
7	LK-007	999,0	797,5	2.791,7	81,8	2,9	08
8	LK-008	954,0	756,0	2.679,2	81,1	2,9	08
9	LK-009	954,0	756,0	2.679,2	81,1	2,9	08
10	LK-010	954,0	756,0	2.679,2	81,1	2,9	08
11	LK-011	954,0	756,0	2.679,2	81,1	2,9	08
12	LK-012	954,0	756,0	2.679,2	81,1	2,9	08
13	LK-013	954,0	756,0	2.679,2	81,1	2,9	08
14	LK-014	954,0	756,0	2.679,2	81,1	2,9	08
15	LK-015	819,2	673,8	2.370,2	83,4	2,9	07
16	LK-016	878,2	700,8	2.464,9	81,6	2,9	07
17	LK-017	1.189,0	939,4	3.347,4	80,3	2,9	12
18	LK-018	1.590,0	1.224,8	4.416,8	78,8	2,8	16
19	LK-019	1.590,0	1.224,8	4.416,8	78,8	2,8	16
20	LK-020	1.590,0	1.224,8	4.416,8	78,8	2,8	16
21	LK-021	1.230,0	974,9	3.519,4	80,4	2,9	12
22	LK-022	1.590,0	1.281,3	4.618,3	81,6	2,9	16
23	LK-023	1.590,0	1.224,8	4.416,8	78,8	2,8	16
24	LK-024	1.590,0	1.224,8	4.416,8	78,8	2,8	16
25	LK-025	1.671,7	1.325,5	4.732,3	80,7	2,9	16
26	LK-026	1.199,0	950,4	3.372,6	80,5	2,9	12
27	LK-027	1.590,0	1.225,6	4.409,6	78,9	2,8	16
28	LK-028	1.590,0	1.225,6	4.409,6	78,9	2,8	16
29	LK-029	1.590,0	1.225,6	4.409,6	78,9	2,8	16
30	LK-030	1.230,0	971,4	3.504,6	80,2	2,9	12
31	LK-031	1.590,0	1.282,8	4.612,0	81,7	2,9	16
32	LK-032	1.590,0	1.225,6	4.409,6	78,9	2,8	16
33	LK-033	1.590,0	1.225,6	4.409,6	78,9	2,8	16

TT	Tên ô đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn XD (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Số công trình
34	LK-034	1.672,9	1.327,0	4.717,5	80,7	2,9	16
35	LK-035	877,5	682,1	2.465,4	81,7	3,0	09
36	LK-036	705,0	535,5	1.935,5	77,9	2,8	07
37	LK-037	543,7	420,7	1.498,1	78,4	2,8	05
38	LK-038	705,0	535,5	1.935,5	77,9	2,8	07
39	LK-039	1.334,0	1.029,8	3.654,8	79,0	2,8	12
40	LK-040	1.410,0	1.070,4	3.856,4	77,8	2,8	14
41	LK-041	1.410,0	1.127,6	4.058,8	81,0	2,9	14
42	LK-042	1.590,0	1.282,8	4.612,0	81,7	2,9	16
43	LK-043	1.590,0	1.225,6	4.409,6	78,9	2,8	16
44	LK-044	1.590,0	1.225,6	4.409,6	78,9	2,8	16
45	LK-045	1.590,0	1.225,6	4.409,6	78,9	2,8	16
46	LK-046	1.653,7	1.318,0	4.681,4	80,9	2,9	16
47	LK-047	1.587,4	1.275,0	4.574,0	81,3	2,9	16
48	LK-048	1.770,0	1.377,0	4.977,0	79,4	2,9	18
49	LK-049	1.770,0	1.377,0	4.977,0	79,4	2,9	18
50	LK-050	1.770,0	1.377,0	4.977,0	79,4	2,9	18
51	LK-051	1.409,0	1.122,8	4.023,8	80,8	2,9	14
52	LK-052	1.527,6	1.226,7	4.402,1	81,5	2,9	18
53	LK-053	1.500,0	1.148,4	4.150,8	78,8	2,8	18
54	LK-054	1.500,0	1.148,4	4.150,8	78,8	2,8	18
55	LK-055	1.386,5	1.107,8	3.968,8	81,1	2,9	16
56	LK-056	1.386,5	1.107,8	3.968,8	81,1	2,9	16
57	LK-057	1.500,0	1.148,4	4.150,8	78,8	2,8	18
58	LK-058	1.500,0	1.148,4	4.150,8	78,8	2,8	18
59	LK-059	1.537,6	1.236,4	4.434,0	81,6	2,9	18
60	LK-060	1.537,6	1.236,4	4.434,0	81,6	2,9	18
61	LK-061	1.500,0	1.148,4	4.150,8	78,8	2,8	18
62	LK-062	1.500,0	1.148,4	4.150,8	78,8	2,8	18
63	LK-063	1.386,5	1.107,8	3.968,8	81,1	2,9	16
64	LK-064	1.386,5	1.107,8	3.968,8	81,1	2,9	16
65	LK-065	1.500,0	1.148,4	4.150,8	78,8	2,8	18
66	LK-066	1.500,0	1.148,4	4.150,8	78,8	2,8	18
67	LK-067	1.537,6	1.236,4	4.434,0	81,6	2,9	18
68	LK-068	1.279,0	1.005,1	3.594,0	79,8	2,9	12
69	LK-069	1.590,0	1.224,0	4.424,0	78,8	2,8	16
70	LK-070	1.590,0	1.224,0	4.424,0	78,8	2,8	16
71	LK-071	1.445,1	1.151,8	4.120,7	80,8	2,9	14
72	LK-072	1.372,1	1.095,6	3.928,2	81,1	2,9	16
73	LK-073	1.650,0	1.276,0	4.612,0	79,4	2,9	20
74	LK-074	1.650,0	1.276,0	4.612,0	79,4	2,9	20
75	LK-075	1.362,1	1.085,9	3.894,0	81,0	2,9	16

TT	Tên ô đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn XD (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Số công trình
76	LK-076	1.372,1	1.095,6	3.928,2	81,1	2,9	16
77	LK-077	1.650,0	1.276,0	4.612,0	79,4	2,9	20
78	LK-078	1.650,0	1.276,0	4.612,0	79,4	2,9	20
79	LK-079	1.372,1	1.095,6	3.928,2	81,1	2,9	16
80	LK-080	1.372,1	1.095,6	3.928,2	81,1	2,9	16
81	LK-081	1.650,0	1.276,0	4.612,0	79,4	2,9	20
82	LK-082	1.650,0	1.276,0	4.612,0	79,4	2,9	20
83	LK-083	1.372,1	1.095,6	3.928,2	81,1	2,9	16
84	LK-084	1.372,1	1.095,6	3.928,2	81,1	2,9	16
85	LK-085	1.650,0	1.276,0	4.612,0	79,4	2,9	20
86	LK-086	1.650,0	1.276,0	4.612,0	79,4	2,9	20
87	LK-087	1.372,1	1.095,6	3.928,2	81,1	2,9	16
88	LK-088	1.422,1	1.136,1	4.074,3	80,9	2,9	14
89	LK-089	1.590,0	1.224,0	4.424,0	78,8	2,8	16
90	LK-090	1.590,0	1.224,0	4.424,0	78,8	2,8	16
91	LK-091	1.422,1	1.136,1	4.074,3	81,0	2,9	14
92	LK-092	615,0	457,6	1.651,6	76,5	2,8	06
93	LK-093	795,0	612,8	2.204,8	78,9	2,8	08
94	LK-094	795,0	612,8	2.204,8	78,9	2,8	08
95	LK-095	575,1	455,2	1.615,2	80,4	2,9	06
96	LK-096	1.216,9	932,5	3.294,6	77,8	2,8	18
97	LK-097	1.200,0	878,4	3.124,8	75,3	2,7	18
98	LK-098	1.200,0	878,4	3.124,8	75,3	2,7	18
99	LK-099	1.106,0	843,8	2.971,6	77,5	2,7	16
100	LK-100	1.106,0	843,8	2.971,6	77,5	2,7	16
101	LK-101	1.200,0	878,4	3.124,8	75,3	2,7	18
102	LK-102	1.200,0	878,4	3.124,8	75,3	2,7	18
103	LK-103	1.226,9	942,2	3.327,2	78,0	2,8	18
104	LK-104	1.226,9	942,2	3.327,2	78,0	2,8	18
105	LK-105	1.200,0	878,4	3.124,8	75,3	2,7	18
106	LK-106	1.200,0	878,4	3.124,8	75,3	2,7	18
107	LK-107	1.106,0	843,8	2.971,6	77,5	2,7	16
108	LK-108	1.386,5	1.107,8	3.968,8	81,1	2,9	16
109	LK-109	1.500,0	1.148,4	4.150,8	78,8	2,8	18
110	LK-110	1.500,0	1.148,4	4.150,8	78,8	2,8	18
111	LK-111	1.523,1	1.222,3	4.385,4	81,5	2,9	18
112	LK-112	1.422,1	1.135,8	4.045,4	80,9	2,9	14
113	LK-113	1.590,0	1.225,6	4.409,6	78,9	2,8	16
114	LK-114	1.590,0	1.225,6	4.409,6	78,9	2,8	16
115	LK-115	1.422,1	1.135,8	4.045,4	80,9	2,9	14
116	LK-116	1.372,1	1.098,2	3.902,8	81,2	2,9	16
117	LK-117	1.650,0	1.272,8	4.590,8	79,3	2,9	20

TT	Tên ô đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn XD (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Số công trình
118	LK-118	1.650,0	1.272,8	4.590,8	79,3	2,9	20
119	LK-119	1.372,1	1.098,2	3.902,8	81,2	2,9	16
120	LK-120	1.372,1	1.098,2	3.902,8	81,2	2,9	16
121	LK-121	1.650,0	1.272,8	4.590,8	79,3	2,9	20
122	LK-122	1.650,0	1.272,8	4.590,8	79,3	2,9	20
123	LK-123	1.372,1	1.098,2	3.902,8	81,2	2,9	16
124	LK-124	1.094,4	834,4	2.943,8	77,5	2,7	16
125	LK-125	1.320,0	976,0	3.472,0	75,9	2,7	20
126	LK-126	1.320,0	976,0	3.472,0	75,9	2,7	20
127	LK-127	1.094,4	834,4	2.943,8	77,5	2,7	16
128	LK-128	1.094,4	834,4	2.943,8	77,5	2,7	16
129	LK-129	1.320,0	976,0	3.472,0	75,9	2,7	20
130	LK-130	1.320,0	976,0	3.472,0	75,9	2,7	20
131	LK-131	1.094,4	834,4	2.943,8	77,5	2,7	16
132	LK-132	1.094,4	834,4	2.943,8	77,5	2,7	16
133	LK-133	1.320,0	976,0	3.472,0	75,9	2,7	20
134	LK-134	1.320,0	976,0	3.472,0	75,9	2,7	20
135	LK-135	1.094,4	834,4	2.943,8	77,5	2,7	16
136	LK-136	1.372,1	1.095,6	3.928,2	81,1	2,9	16
137	LK-137	1.650,0	1.276,0	4.612,0	79,4	2,9	20
138	LK-138	1.650,0	1.276,0	4.612,0	79,4	2,9	20
139	LK-139	1.372,1	1.095,6	3.928,2	81,1	2,9	16
140	LK-140	525,0	382,5	1.382,5	75,0	2,7	05
141	LK-141	615,0	459,0	1.659,0	76,7	2,8	06
142	LK-142	705,0	535,5	1.935,5	77,9	2,8	07
143	LK-143	615,0	459,0	1.659,0	76,7	2,8	06
144	LK-144	567,0	434,7	1.544,6	78,2	2,8	05
145	LK-145	1.206,5	925,2	3.260,4	77,9	2,8	18
146	LK-146	1.200,0	878,4	3.124,8	75,3	2,7	18
147	LK-147	1.168,0	877,0	3.098,2	76,8	2,7	17
148	LK-148	1.086,0	827,6	2.913,2	77,5	2,7	16
149	LK-149	1.080,0	780,8	2.777,6	74,6	2,7	16
150	LK-150	1.080,0	780,8	2.777,6	74,6	2,7	16
151	LK-151	1.206,0	925,2	3.260,4	77,9	2,8	18
152	LK-152	1.206,0	925,2	3.260,4	77,9	2,8	18
153	LK-153	1.080,0	780,8	2.777,6	74,6	2,7	16
154	LK-154	1.080,0	780,8	2.777,6	74,6	2,7	16
155	LK-155	1.086,0	827,6	2.913,2	77,5	2,7	16
156	LK-156	1.361,5	1.086,6	3.890,2	81,1	2,9	16
157	LK-157	1.350,0	1.020,8	3.689,6	78,0	2,8	16
158	LK-158	1.350,0	1.020,8	3.689,6	78,0	2,8	16
159	LK-159	1.511,5	1.214,2	4.351,4	81,5	2,9	18

TT	Tên ô đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn XD (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Số công trình
160	LK-160	1.200,0	891,6	3.214,2	76,8	2,8	14
161	LK-161	1.350,0	1.020,8	3.675,2	78,0	2,8	16
162	LK-162	1.350,0	1.020,8	3.675,2	78,0	2,8	16
163	LK-163	1.184,0	935,8	3.326,2	80,5	2,9	14
164	LK-164	1.184,0	935,8	3.326,2	80,5	2,9	14
165	LK-165	1.350,0	1.020,8	3.675,2	78,0	2,8	16
166	LK-166	1.350,0	1.020,8	3.675,2	78,0	2,8	16
167	LK-167	1.200,0	891,6	3.214,2	76,8	2,8	14
168	LK-168	1.200,0	891,6	3.214,2	76,8	2,8	14
169	LK-169	1.350,0	1.020,8	3.675,2	78,0	2,8	16
170	LK-170	1.350,0	1.020,8	3.675,2	78,0	2,8	16
171	LK-171	1.184,0	935,8	3.326,2	80,5	2,9	14
172	LK-172	1.184,0	935,8	3.326,2	80,5	2,9	14
173	LK-173	1.350,0	1.020,8	3.675,2	78,0	2,8	16
174	LK-174	1.350,0	1.020,8	3.675,2	78,0	2,8	16
175	LK-175	1.200,0	891,6	3.214,2	76,8	2,8	14
176	LK-176	1.200,0	891,6	3.214,2	76,8	2,8	14
177	LK-177	1.350,0	1.020,8	3.675,2	78,0	2,8	16
178	LK-178	1.350,0	1.020,8	3.675,2	78,0	2,8	16
179	LK-179	1.179,5	931,3	3.312,0	80,4	2,9	14
180	LK-180	1.174,0	925,8	3.293,0	80,3	2,9	14
181	LK-181	1.500,0	1.146,8	4.133,0	78,7	2,8	18
182	LK-182	1.500,0	1.146,8	4.133,0	78,7	2,8	18
183	LK-183	1.230,0	917,6	3.306,4	77,3	2,8	14
184	LK-184	1.230,0	917,6	3.306,4	77,3	2,8	14
185	LK-185	1.500,0	1.146,8	4.133,0	78,7	2,8	18
186	LK-186	1.500,0	1.146,8	4.133,0	78,7	2,8	18
187	LK-187	1.184,0	935,8	3.326,2	80,5	2,9	14
188	LK-188	1.184,0	935,8	3.326,2	80,5	2,9	14
189	LK-189	1.500,0	1.146,8	4.133,0	78,7	2,8	18
190	LK-190	1.500,0	1.146,8	4.133,0	78,7	2,8	18
191	LK-191	1.230,0	917,6	3.306,4	77,3	2,8	14
192	LK-192	1.230,0	917,6	3.306,4	77,3	2,8	14
193	LK-193	1.500,0	1.146,8	4.133,0	78,7	2,8	18
194	LK-194	1.500,0	1.146,8	4.133,0	78,7	2,8	18
195	LK-195	1.184,0	935,8	3.326,2	80,5	2,9	14
196	LK-196	1.174,0	925,8	3.293,0	80,3	2,9	14
197	LK-197	1.500,0	1.146,8	4.133,0	78,7	2,8	18
198	LK-198	1.500,0	1.146,8	4.133,0	78,7	2,8	18
199	LK-199	1.230,0	917,6	3.306,4	77,3	2,8	14
200	LK-200	1.527,6	1.226,7	4.402,1	81,5	2,9	18
201	LK-201	1.500,0	1.148,4	4.150,8	78,8	2,8	18

TT	Tên ô đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn XD (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Số công trình
202	LK-202	1.500,0	1.148,4	4.150,8	78,8	2,8	18
203	LK-203	1.377,5	1.099,2	3.912,8	81,1	2,9	16
204	LK-204	1.097,0	835,2	2.947,8	77,4	2,7	16
205	LK-205	1.200,0	878,4	3.124,8	75,3	2,7	18
206	LK-206	1.200,0	878,4	3.124,8	75,3	2,7	18
207	LK-207	1.226,9	942,2	3.327,2	78,0	2,8	18
208	LK-208	1.226,9	942,2	3.327,2	78,0	2,8	18
209	LK-209	1.200,0	878,4	3.124,8	75,3	2,7	18
210	LK-210	1.200,0	878,4	3.124,8	75,3	2,7	18
211	LK-211	1.097,0	835,2	2.947,8	77,4	2,7	16
212	LK-212	1.542,6	1.254,9	4.471,4	82,5	2,9	14
213	LK-213	1.802,0	1.416,0	5.083,2	80,3	2,9	16
214	LK-214	1.802,0	1.416,0	5.083,2	80,3	2,9	16
215	LK-215	1.547,1	1.259,3	4.482,6	82,5	2,9	14
216	LK-216	1.363,1	1.086,8	3.887,2	81,1	2,9	16
217	LK-217	1.650,0	1.276,0	4.612,0	79,4	2,9	20
218	LK-218	1.650,0	1.276,0	4.612,0	79,4	2,9	20
219	LK-219	1.372,1	1.095,6	3.928,2	81,1	2,9	16
220	LK-220	1.094,4	834,4	2.943,8	77,5	2,7	16
221	LK-221	1.320,0	976,0	3.472,0	75,9	2,7	20
222	LK-222	1.320,0	976,0	3.472,0	75,9	2,7	20
223	LK-223	1.085,4	825,8	2.916,4	77,4	2,7	16
224	LK-224	1.085,4	825,8	2.916,4	77,4	2,7	16
225	LK-225	1.320,0	976,0	3.472,0	75,9	2,7	20
226	LK-226	1.320,0	976,0	3.472,0	75,9	2,7	20
227	LK-227	1.094,4	834,4	2.943,8	77,5	2,7	16
228	LK-228	1.615,1	1.304,5	4.642,2	82,0	2,9	14
229	LK-229	1.802,0	1.416,0	5.083,2	80,3	2,9	16
230	LK-230	1.802,0	1.416,0	5.083,2	80,3	2,9	16
231	LK-231	1.610,6	1.300,6	4.631,7	82,0	2,9	14
232	LK-232	1.511,5	1.214,2	4.351,4	81,5	2,9	18
233	LK-233	1.350,0	1.020,8	3.689,6	78,0	2,8	16
234	LK-234	1.350,0	1.020,8	3.689,6	78,0	2,8	16
235	LK-235	1.352,5	1.078,0	3.862,6	81,0	2,9	16
236	LK-236	1.077,0	819,0	2.886,4	77,4	2,7	16
237	LK-237	1.080,0	780,8	2.777,6	74,6	2,7	16
238	LK-238	1.080,0	780,8	2.777,6	74,6	2,7	16
239	LK-239	1.206,0	925,2	3.260,4	77,9	2,8	18
240	LK-240	1.206,0	925,2	3.260,4	77,9	2,8	18
241	LK-241	1.080,0	780,8	2.777,6	74,6	2,7	16
242	LK-242	1.080,0	780,8	2.777,6	74,6	2,7	16
243	LK-243	1.077,0	819,0	2.886,4	77,4	2,7	16

TT	Tên ô đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn XD (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Số công trình
244	LK-244	1.552,2	1.263,6	4.503,5	82,5	2,9	14
245	LK-245	1.598,0	1.239,0	4.447,8	79,4	2,9	14
246	LK-246	1.598,0	1.239,0	4.447,8	79,4	2,9	14
247	LK-247	1.552,2	1.263,6	4.503,5	82,5	2,9	14
248	LK-248	1.202,9	925,8	3.276,6	78,0	2,8	18
249	LK-249	1.200,0	876,8	3.148,4	75,3	2,7	18
250	LK-250	1.200,0	876,8	3.148,4	75,3	2,7	18
251	LK-251	1.202,9	925,8	3.276,6	78,0	2,8	18
252	LK-252	930,0	747,4	2.494,7	82,4	2,8	08
253	LK-253	1.000,0	792,2	2.672,3	81,6	2,8	09
254	LK-254	930,0	747,4	2.494,7	82,4	2,8	08
255	LK-255	1.507,6	1.214,6	4.320,8	81,7	2,9	18
256	LK-256	1.500,0	1.146,8	4.133,0	78,7	2,8	18
257	LK-257	1.500,0	1.146,8	4.133,0	78,7	2,8	18
258	LK-258	1.507,6	1.214,6	4.320,8	81,7	2,9	18
259	LK-259	559,0	438,4	1.449,4	80,2	2,7	05
260	LK-260	559,0	438,4	1.449,4	80,2	2,7	05
261	LK-261	1.507,6	1.214,6	4.320,8	81,7	2,9	18
262	LK-262	1.500,0	1.146,8	4.133,0	78,7	2,8	18
263	LK-263	1.500,0	1.146,8	4.133,0	78,7	2,8	18
264	LK-264	1.507,6	1.214,6	4.320,8	81,7	2,9	18
265	LK-265	1.030,0	837,2	2.793,4	83,7	2,8	09
266	LK-266	1.000,0	792,2	2.672,3	81,6	2,8	09
267	LK-267	1.020,0	833,4	2.781,6	83,4	2,8	09
268	LK-268	1.598,7	1.293,4	4.669,3	82,1	3,0	14
269	LK-269	1.802,0	1.417,6	5.177,6	80,5	2,9	16
270	LK-270	1.802,0	1.417,6	5.177,6	80,5	2,9	16
271	LK-271	1.598,7	1.293,4	4.669,3	82,1	3,0	14
272	LK-272	559,0	438,4	1.449,4	80,2	2,7	05
273	LK-273	559,0	438,4	1.449,4	80,2	2,7	05
274	LK-274	807,7	627,3	2.097,2	79,0	2,6	06
275	LK-275	940,0	706,0	2.383,2	77,0	2,6	07
276	LK-276	837,0	637,5	2.128,4	77,8	2,6	06
	Tổng	359.580,3	278.270,0	993.710,4	53,3÷89,8	1,9÷3,2	4.176

Các mẫu thiết kế công trình Nhà ở liên kề (tại các ô đất LK-001 đến LK-276) có quy mô cao 04 tầng; trong đó tầng 1 cao 4,2m, tầng 2 đến tầng 4 cao 3,4m/tầng, chiều cao công trình tính từ cốt sàn đến cao độ đỉnh mái 15,015m. Chỉ tiêu quy hoạch xây dựng trên từng lô và chỉ tiêu thiết kế các mẫu nhà cụ thể tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Văn bản này.

2.2. Nhà ở biệt thự

Các công trình Nhà ở biệt thự thực hiện xây dựng trên các ô đất ký hiệu từ BT-001 đến BT-030, bố trí tổng 396 công trình quy mô số tầng cao 04 tầng.

Bảng 3: Chỉ tiêu quy hoạch Nhà ở biệt thự (BT-001 đến BT-030)

TT	Tên ô đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn XD (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Số công trình
1	BT-001	5.391,6	2.655,6	8.708,6	49,3	1,6	19
2	BT-002	6.999,5	3.399,6	11.263,7	48,7	1,6	24
3	BT-003	7.247,0	3.533,5	11.691,0	48,9	1,6	25
4	BT-004	6.666,3	3.246,0	10.752,0	48,8	1,6	23
5	BT-005	6.147,4	2.991,0	9.921,2	48,8	1,6	21
6	BT-006	6.017,8	2.906,0	9.613,3	48,3	1,6	21
7	BT-007	7.258,2	3.520,3	11.681,6	48,6	1,6	25
8	BT-008	1.318,9	635,1	2.092,3	48,1	1,6	05
9	BT-009	2.534,2	1.164,9	3.936,0	45,8	1,5	09
10	BT-010	2.569,4	1.183,7	3.994,4	46,1	1,6	09
11	BT-011	2.625,0	1.216,8	4.075,3	46,3	1,5	09
12	BT-012	2.686,5	1.250,0	4.215,2	46,6	1,6	09
13	BT-013	501,1	239,2	801,8	47,7	1,6	02
14	BT-014	501,1	239,2	801,8	47,7	1,6	02
15	BT-015	501,1	239,2	801,8	47,7	1,6	02
16	BT-016	501,1	239,2	801,8	47,7	1,6	02
17	BT-017	501,1	239,2	801,8	47,7	1,6	02
18	BT-018	489,0	224,2	746,0	45,8	1,5	02
19	BT-019	489,0	224,2	746,0	45,8	1,5	02
20	BT-020	489,0	224,2	746,0	45,8	1,5	02
21	BT-021	489,0	224,2	746,0	45,8	1,5	02
22	BT-022	489,0	224,2	746,0	45,8	1,5	02
23	BT-023	4.567,0	2.465,0	8.005,4	53,9	1,8	30
24	BT-024	3.818,5	2.038,3	6.625,9	53,5	1,7	25
25	BT-025	2.700,0	1.454,4	4.717,8	53,9	1,7	18
26	BT-026	3.667,0	1.980,2	6.432,8	54,0	1,8	24
27	BT-027	3.013,1	1.622,4	5.272,6	53,8	1,7	20
28	BT-028	3.017,6	1.625,0	5.278,3	53,9	1,7	20
29	BT-029	3.134,0	1.698,0	5.526,8	54,1	1,8	20
30	BT-030	3.086,0	1.669,2	5.431,2	54,0	1,8	20
	Tổng	89.415,6	44.572,0	146.974,4	41,9÷56,1	1,4÷1,9	396

Các mẫu thiết kế công trình Nhà ở biệt thự (tại các ô đất BT-001 đến BT-030) có quy mô cao 04 tầng; trong đó tầng 1 cao 4,2m, tầng 2 đến tầng 4 cao 3,4m/tầng, chiều cao công trình tính từ cốt sân đến cao độ đỉnh mái khoảng 15,015m. Chỉ tiêu quy hoạch xây dựng trên từng lô và chỉ tiêu thiết kế các mẫu nhà cụ thể tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Văn bản này.

3. Giải pháp kết cấu

- Các công trình nhà ở thấp tầng sử dụng giải pháp móng cọc bê tông ly tâm ứng suất trước D300, D350, chiều sâu cọc khoảng 16m đến 20m; đài cọc sử dụng

chiều dày điển hình 700mm; phần thân lựa chọn giải pháp hệ kết cấu khung bê tông cốt thép toàn khối; dầm sàn bê tông cốt thép đổ tại chỗ, sàn dày 120mm đến 150mm.

4. Hệ thống kỹ thuật công trình

- Cấp điện: Nguồn điện hạ thế cấp cho các công trình được dẫn từ các trạm biến áp của dự án cấp đến tủ điện phân phối tổng ngoài nhà (thuộc hồ sơ phần hạ tầng kỹ thuật), từ tủ điện tổng cấp nguồn đến mỗi công trình.

- Cấp nước: Nguồn nước cho công trình được lấy trực tiếp từ đường ống cấp nước hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà, cấp đến từng công trình.

- Thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa tách biệt với thoát nước thải sinh hoạt. Hệ thống thoát nước thải công trình được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải ngoài hạ tầng, dẫn về trạm xử lý nước thải chung toàn dự án (thuộc hồ sơ phần hạ tầng kỹ thuật) để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực. Hệ thống thoát nước mưa từ mái và ban công được thu gom về các ống thoát nước riêng đầu nối vào hệ thống thoát nước của dự án.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác như điều hòa không khí, phòng cháy chữa cháy được chủ sở hữu mỗi công trình lắp đặt trong quá trình sử dụng.

IV. PHẠM VI, CƠ SỞ VÀ NGUYÊN TẮC THẨM ĐỊNH

1. Cơ sở thẩm định

Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng và Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định, không xem xét đánh giá các nội dung khác ngoài các nội dung quy định này.

2. Phạm vi thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với các nội dung theo quy định

- Nội dung thẩm định liên quan về quy hoạch của cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Luật Xây dựng chỉ trong phạm vi xem xét sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng; không xem xét quá trình phê duyệt quy hoạch, sự đầy đủ của nội dung đồ án quy hoạch xây dựng; không xem xét sự đồng bộ các cấp độ quy hoạch đối với các chỉ tiêu không thể hiện trong thiết kế cơ sở.

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ đánh giá sự phù hợp của dự án với nội dung trong văn bản liên quan đến thủ tục về đầu tư và thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận, không xem xét và chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục, nội dung, thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về môi trường theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

3. Nguyên tắc thẩm định

Nguyên tắc thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Nhà ở thấp tầng của dự án Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa tại thị trấn Hậu Nghĩa, xã Đức Lập Thượng, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An được lập phù hợp với Điều 52 Luật Xây dựng, đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng và Điều 15, Điều 38 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

- Nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu khảo sát xây dựng, nhà thầu thẩm tra (được nêu tại Mục II.3 Văn bản này) có chứng chỉ năng lực, lĩnh vực, phạm vi hoạt động và thời hạn phù hợp với công việc thực hiện theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

- Chủ nhiệm thiết kế, chủ nhiệm khảo sát, chủ trì thiết kế các bộ môn, chủ trì thẩm tra thiết kế các bộ môn (được nêu tại Mục II.3 Văn bản này) có chứng chỉ hành nghề, lĩnh vực, phạm vi hoạt động và thời hạn phù hợp với công việc thực hiện theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và quy định của Luật Kiến trúc.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch làm cơ sở lập dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP

2.1. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với đồ án quy hoạch chi tiết

Hồ sơ thiết kế cơ sở Nhà ở thấp tầng của dự án Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa tại thị trấn Hậu Nghĩa, xã Đức Lập Thượng, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cơ bản đảm bảo phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa phê duyệt tại Quyết định số 18836/QĐ-UBND ngày 22/11/2024.

Bảng 4: So sánh chỉ tiêu quy hoạch tại thiết kế cơ sở với đồ án quy hoạch chi tiết

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
I	Nhà ở Liên kề			
1	LK-001			
a	Diện tích ô đất (m ²)	703,5	703,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	621,9	563,1	-58,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.487,6	1.872,1	-615,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	81,4	-7,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,7	-0,8
e	Số căn (căn)	06	06	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	24	24	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
2	LK-002			
a	Diện tích ô đất (m ²)	846,0	846,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	747,9	651,4	-96,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.991,5	2.187,9	-803,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	78,9	-9,5
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,7	-0,8
e	Số căn (căn)	07	07	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	28	28	Phù hợp
3	LK-003			
a	Diện tích ô đất (m ²)	846,0	846,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	747,9	651,4	-96,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.991,5	2.187,9	-803,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	78,9	-9,5
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,7	-0,8
e	Số căn (căn)	07	07	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	28	28	Phù hợp
4	LK-004			
a	Diện tích ô đất (m ²)	954,2	954,2	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	843,5	746,8	-96,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.374,1	2.502,8	-871,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	80,1	-8,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,7	-0,8
e	Số căn (căn)	08	08	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	32	32	Phù hợp
5	LK-005			
a	Diện tích ô đất (m ²)	933,1	933,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	824,9	712,1	-112,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.299,5	2.391,5	-908,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	78,3	-10,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,6	-0,9
e	Số căn (căn)	07	07	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	28	28	Phù hợp
6	LK-006			
a	Diện tích ô đất (m ²)	828,8	828,8	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	732,7	620,7	-112,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.930,7	2.081,4	-849,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	76,7	-11,7

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,6	-0,9
e	Số căn (căn)	06	06	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	24	24	Phù hợp
7	LK-007			
a	Diện tích ô đất (m ²)	999,0	999,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	883,1	797,5	-85,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.532,5	2.791,7	-740,8
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	81,8	-6,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	08	08	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	32	32	Phù hợp
8	LK-008			
a	Diện tích ô đất (m ²)	954,0	954,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	843,3	756,0	-87,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.373,3	2.679,2	-694,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	81,1	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	08	08	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	32	32	Phù hợp
9	LK-009			
a	Diện tích ô đất (m ²)	954,0	954,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	843,3	756,0	-87,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.373,3	2.679,2	-694,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	81,1	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	08	08	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	32	32	Phù hợp
10	LK-010			
a	Diện tích ô đất (m ²)	954,0	954,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	843,3	756,0	-87,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.373,3	2.679,2	-694,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	81,1	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	08	08	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	32	32	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
11	LK-011			
a	Diện tích ô đất (m ²)	954,0	954,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	843,3	756,0	-87,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.373,3	2.679,2	-694,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	81,1	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	08	08	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	32	32	Phù hợp
12	LK-012			
a	Diện tích ô đất (m ²)	954,0	954,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	843,3	756,0	-87,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.373,3	2.679,2	-694,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	81,1	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	08	08	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	32	32	Phù hợp
13	LK-013			
a	Diện tích ô đất (m ²)	954,0	954,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	843,3	756,0	-87,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.373,3	2.679,2	-694,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	81,1	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	08	08	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	32	32	Phù hợp
14	LK-014			
a	Diện tích ô đất (m ²)	954,0	954,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	843,3	756,0	-87,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.373,3	2.679,2	-694,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	81,1	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	08	08	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	32	32	Phù hợp
15	LK-015			
a	Diện tích ô đất (m ²)	819,2	819,2	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	724,1	673,8	-50,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.896,5	2.370,2	-526,3

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	83,4	-5,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	07	07	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	28	28	Phù hợp
16	LK-016			
a	Diện tích ô đất (m ²)	878,2	878,2	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	776,3	700,8	-75,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.105,3	2.464,9	-640,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	81,6	-6,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	07	07	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	28	28	Phù hợp
17	LK-017			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.189,0	1.189,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.030,9	939,4	-91,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.123,5	3.347,4	-776,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,3	-6,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	12	12	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	48	48	Phù hợp
18	LK-018			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.224,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.416,8	-1.097,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
19	LK-019			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.224,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.416,8	-1.097,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
20	LK-020			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.224,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.416,8	-1.097,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
21	LK-021			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.230,0	1.230,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.066,4	974,9	-91,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.265,6	3.519,4	-746,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,4	-6,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	12	12	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	48	48	Phù hợp
22	LK-022			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.281,3	-97,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.618,3	-895,8
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,6	-5,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
23	LK-023			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.224,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.416,8	-1.097,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
24	LK-024			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.224,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.416,8	-1.097,3

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
25	LK-025			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.671,7	1.671,7	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.449,4	1.325,5	-123,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.797,5	4.732,3	-1.065,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,7	-6,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
26	LK-026			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.199,0	1.199,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.039,5	950,4	-89,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.158,1	3.372,6	-785,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,5	-6,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	12	12	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	48	48	Phù hợp
27	LK-027			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.225,6	-152,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.409,6	-1.104,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,9	-7,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
28	LK-028			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.225,6	-152,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.409,6	-1.104,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,9	-7,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
29	LK-029			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.225,6	-152,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.409,6	-1.104,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,9	-7,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
30	LK-030			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.230,0	1.230,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.066,4	971,4	-95,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.265,6	3.504,6	-761,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,2	-6,5
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	12	12	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	48	48	Phù hợp
31	LK-031			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.282,8	-95,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.612,0	-902,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,7	-5,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
32	LK-032			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.225,6	-152,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.409,6	-1.104,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,9	-7,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
33	LK-033			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.225,6	-152,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.409,6	-1.104,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,9	-7,8

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
34	LK-034			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.672,9	1.672,9	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.450,4	1.327,0	-123,4
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.801,5	4.717,5	-1.084,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,7	-6,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
35	LK-035			
a	Diện tích ô đất (m ²)	877,5	877,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	877,5	682,1	-195,4
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.510,0	2.465,4	-1.044,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	81,7	-18,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	3,0	-1,0
e	Số căn (căn)	09	09	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	36	36	Phù hợp
36	LK-036			
a	Diện tích ô đất (m ²)	705,0	705,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	705,0	535,5	-169,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.820,0	1.935,5	-884,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	77,9	-22,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,8	-1,2
e	Số căn (căn)	07	07	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	28	28	Phù hợp
37	LK-037			
a	Diện tích ô đất (m ²)	543,7	543,7	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	543,7	420,7	-123,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.174,6	1.498,1	-676,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	78,4	-21,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,8	-1,2
e	Số căn (căn)	05	05	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	20	20	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
38	LK-038			
a	Diện tích ô đất (m ²)	705,0	705,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	705,0	535,5	-169,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.820,0	1.935,5	-884,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	77,9	-22,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,8	-1,2
e	Số căn (căn)	07	07	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	28	28	Phù hợp
39	LK-039			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.334,0	1.334,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.156,6	1.029,8	-126,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.626,3	3.654,8	-971,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,0	-7,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	12	12	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	48	48	Phù hợp
40	LK-040			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.410,0	1.410,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.222,5	1.070,4	-152,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.889,9	3.856,4	-1.033,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	77,8	-8,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
41	LK-041			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.410,0	1.410,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.222,5	1.127,6	-94,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.889,9	4.058,8	-831,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,0	-5,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
42	LK-042			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.282,8	-95,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.612,0	-902,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,7	-5,0

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
43	LK-043			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.225,6	-152,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.409,6	-1.104,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,9	-7,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
44	LK-044			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.225,6	-152,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.409,6	-1.104,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,9	-7,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
45	LK-045			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.225,6	-152,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.409,6	-1.104,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,9	-7,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
46	LK-046			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.653,7	1.653,7	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.433,7	1.318,0	-115,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.734,9	4.681,4	-1.053,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,9	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
47	LK-047			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.587,4	1.587,4	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.376,3	1.275,0	-101,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.505,2	4.574,0	-931,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,3	-5,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
48	LK-048			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.770,0	1.770,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.534,6	1.377,0	-157,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	6.138,4	4.977,0	-1.161,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,4	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
49	LK-049			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.770,0	1.770,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.534,6	1.377,0	-157,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	6.138,4	4.977,0	-1.161,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,4	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
50	LK-050			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.770,0	1.770,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.534,6	1.377,0	-157,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	6.138,4	4.977,0	-1.161,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,4	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
51	LK-051			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.409,0	1.409,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.221,6	1.122,8	-98,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.886,4	4.023,8	-862,6

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,8	-5,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
52	LK-052			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.527,6	1.527,6	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.324,4	1.226,7	-97,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.297,8	4.402,1	-895,7
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,5	-5,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
53	LK-053			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.148,4	-152,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.150,8	-1.051,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
54	LK-054			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.148,4	-152,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.150,8	-1.051,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
55	LK-055			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.386,5	1.386,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.202,1	1.107,8	-94,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.808,4	3.968,8	-839,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
56	LK-056			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.386,5	1.386,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.202,1	1.107,8	-94,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.808,4	3.968,8	-839,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
57	LK-057			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.148,4	-152,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.150,8	-1.051,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
58	LK-058			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.148,4	-152,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.150,8	-1.051,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
59	LK-059			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.537,6	1.537,6	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.333,1	1.236,4	-96,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.332,4	4.434,0	-898,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,6	-5,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
60	LK-060			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.537,6	1.537,6	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.333,1	1.236,4	-96,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.332,4	4.434,0	-898,4

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,6	-5,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
61	LK-061			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.148,4	-152,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.150,8	-1.051,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
62	LK-062			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.148,4	-152,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.150,8	-1.051,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
63	LK-063			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.386,5	1.386,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.202,1	1.107,8	-94,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.808,4	3.968,8	-839,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
64	LK-064			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.386,5	1.386,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.202,1	1.107,8	-94,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.808,4	3.968,8	-839,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
65	LK-065			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.148,4	-152,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.150,8	-1.051,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
66	LK-066			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.148,4	-152,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.150,8	-1.051,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
67	LK-067			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.537,6	1.537,6	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.333,1	1.236,4	-96,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.332,4	4.434,0	-898,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,6	-5,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
68	LK-068			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.279,0	1.279,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.108,9	1.005,1	-103,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.435,6	3.594,0	-841,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,8	-6,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	12	12	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	48	48	Phù hợp
69	LK-069			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.224,0	-154,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.424,0	-1.090,1

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
70	LK-070			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.224,0	-154,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.424,0	-1.090,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
71	LK-071			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.445,1	1.445,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.252,9	1.151,8	-101,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.011,6	4.120,7	-890,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,8	-5,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
72	LK-072			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.372,1	1.372,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.189,6	1.095,6	-94,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.758,3	3.928,2	-830,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
73	LK-073			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.276,0	-154,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.612,0	-1.110,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,4	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
74	LK-074			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.276,0	-154,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.612,0	-1.110,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,4	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
75	LK-075			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.362,1	1.362,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.180,9	1.085,9	-95,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.723,6	3.894,0	-829,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,0	-5,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
76	LK-076			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.372,1	1.372,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.189,6	1.095,6	-94,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.758,3	3.928,2	-830,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
77	LK-077			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.276,0	-154,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.612,0	-1.110,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,4	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
78	LK-078			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.276,0	-154,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.612,0	-1.110,2

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,4	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
79	LK-079			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.372,1	1.372,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.189,6	1.095,6	-94,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.758,3	3.928,2	-830,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
80	LK-080			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.372,1	1.372,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.189,6	1.095,6	-94,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.758,3	3.928,2	-830,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
81	LK-081			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.276,0	-154,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.612,0	-1.110,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,4	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
82	LK-082			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.276,0	-154,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.612,0	-1.110,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,4	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
83	LK-083			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.372,1	1.372,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.189,6	1.095,6	-94,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.758,3	3.928,2	-830,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
84	LK-084			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.372,1	1.372,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.189,6	1.095,6	-94,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.758,3	3.928,2	-830,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
85	LK-085			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.276,0	-154,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.612,0	-1.110,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,4	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
86	LK-086			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.276,0	-154,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.612,0	-1.110,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,4	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
87	LK-087			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.372,1	1.372,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.189,6	1.095,6	-94,0

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.758,3	3.928,2	-830,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
88	LK-088			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.422,1	1.422,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.232,9	1.136,1	-96,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.931,7	4.074,3	-857,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,9	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
89	LK-089			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.224,0	-154,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.424,0	-1.090,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
90	LK-090			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.224,0	-154,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.424,0	-1.090,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
91	LK-091			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.422,1	1.422,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.232,9	1.136,1	-96,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.931,7	4.074,3	-857,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,0	-5,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
92	LK-092			
a	Diện tích ô đất (m ²)	615,0	615,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	615,0	457,6	-157,4
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.460,0	1.651,6	-808,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	76,5	-23,5
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,8	-1,2
e	Số căn (căn)	06	06	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	24	24	Phù hợp
93	LK-093			
a	Diện tích ô đất (m ²)	795,0	795,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	795,0	612,8	-182,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.180,0	2.204,8	-975,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	78,9	-21,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,8	-1,2
e	Số căn (căn)	08	08	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	32	32	Phù hợp
94	LK-094			
a	Diện tích ô đất (m ²)	795,0	795,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	795,0	612,8	-182,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.180,0	2.204,8	-975,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	78,9	-21,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,8	-1,2
e	Số căn (căn)	08	08	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	32	32	Phù hợp
95	LK-095			
a	Diện tích ô đất (m ²)	575,1	575,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	575,1	455,2	-119,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.300,2	1.615,2	-685,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	80,4	-19,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,9	-1,1
e	Số căn (căn)	06	06	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	24	24	Phù hợp
96	LK-096			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.216,9	1.216,9	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.013,7	932,5	-81,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.054,7	3.294,6	-760,1

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,8	-5,5
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,8	-0,5
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
97	LK-097			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	999,6	878,4	-121,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.998,4	3.124,8	-873,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,3	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
98	LK-098			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	999,6	878,4	-121,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.998,4	3.124,8	-873,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,3	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
99	LK-099			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.106,0	1.106,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	921,3	843,8	-77,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.685,2	2.971,6	-713,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,5	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
100	LK-100			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.106,0	1.106,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	921,3	843,8	-77,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.685,2	2.971,6	-713,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,5	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
101	LK-101			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	999,6	878,4	-121,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.998,4	3.124,8	-873,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,3	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
102	LK-102			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	999,6	878,4	-121,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.998,4	3.124,8	-873,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,3	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
103	LK-103			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.226,9	1.226,9	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.022,0	942,2	-79,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.088,0	3.327,2	-760,8
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	78,0	-5,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,8	-0,5
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
104	LK-104			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.226,9	1.226,9	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.022,0	942,2	-79,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.088,0	3.327,2	-760,8
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	78,0	-5,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,8	-0,5
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
105	LK-105			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	999,6	878,4	-121,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.998,4	3.124,8	-873,6

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,3	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
106	LK-106			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	999,6	878,4	-121,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.998,4	3.124,8	-873,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,3	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
107	LK-107			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.106,0	1.106,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	921,3	843,8	-77,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.685,2	2.971,6	-713,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,5	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
108	LK-108			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.386,5	1.386,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.202,1	1.107,8	-94,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.808,4	3.968,8	-839,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
109	LK-109			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.148,4	-152,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.150,8	-1.051,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
110	LK-110			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.148,4	-152,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.150,8	-1.051,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
111	LK-111			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.523,1	1.523,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.320,5	1.222,3	-98,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.282,1	4.385,4	-896,7
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,5	-5,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
112	LK-112			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.422,1	1.422,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.232,9	1.135,8	-97,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.931,7	4.045,4	-886,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,9	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
113	LK-113			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.225,6	-152,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.409,6	-1.104,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,9	-7,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
114	LK-114			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.590,0	1.590,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.378,5	1.225,6	-152,9

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.514,1	4.409,6	-1.104,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,9	-7,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
115	LK-115			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.422,1	1.422,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.232,9	1.135,8	-97,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.931,7	4.045,4	-886,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,9	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
116	LK-116			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.372,1	1.372,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.189,6	1.098,2	-91,4
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.758,3	3.902,8	-855,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,2	-5,5
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
117	LK-117			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.272,8	-157,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.590,8	-1.131,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,3	-7,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
118	LK-118			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.272,8	-157,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.590,8	-1.131,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,3	-7,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
119	LK-119			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.372,1	1.372,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.189,6	1.098,2	-91,4
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.758,3	3.902,8	-855,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,2	-5,5
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
120	LK-120			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.372,1	1.372,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.189,6	1.098,2	-91,4
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.758,3	3.902,8	-855,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,2	-5,5
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
121	LK-121			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.272,8	-157,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.590,8	-1.131,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,3	-7,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
122	LK-122			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.272,8	-157,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.590,8	-1.131,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,3	-7,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
123	LK-123			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.372,1	1.372,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.189,6	1.098,2	-91,4

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.758,3	3.902,8	-855,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,2	-5,5
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
124	LK-124			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.094,4	1.094,4	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	911,7	834,4	-77,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.646,7	2.943,8	-702,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,5	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
125	LK-125			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.320,0	1.320,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.099,6	976,0	-123,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.398,2	3.472,0	-926,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,9	-7,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
126	LK-126			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.320,0	1.320,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.099,6	976,0	-123,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.398,2	3.472,0	-926,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,9	-7,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
127	LK-127			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.094,4	1.094,4	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	911,7	834,4	-77,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.646,7	2.943,8	-702,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,5	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
128	LK-128			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.094,4	1.094,4	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	911,7	834,4	-77,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.646,7	2.943,8	-702,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,5	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
129	LK-129			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.320,0	1.320,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.099,6	976,0	-123,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.398,2	3.472,0	-926,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,9	-7,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
130	LK-130			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.320,0	1.320,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.099,6	976,0	-123,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.398,2	3.472,0	-926,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,9	-7,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
131	LK-131			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.094,4	1.094,4	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	911,7	834,4	-77,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.646,7	2.943,8	-702,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,5	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
132	LK-132			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.094,4	1.094,4	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	911,7	834,4	-77,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.646,7	2.943,8	-702,9

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,5	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
133	LK-133			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.320,0	1.320,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.099,6	976,0	-123,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.398,2	3.472,0	-926,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,9	-7,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
134	LK-134			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.320,0	1.320,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.099,6	976,0	-123,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.398,2	3.472,0	-926,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,9	-7,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
135	LK-135			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.094,4	1.094,4	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	911,7	834,4	-77,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.646,7	2.943,8	-702,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,5	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
136	LK-136			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.372,1	1.372,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.189,6	1.095,6	-94,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.758,3	3.928,2	-830,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
137	LK-137			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.276,0	-154,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.612,0	-1.110,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,4	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
138	LK-138			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.276,0	-154,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.612,0	-1.110,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,4	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
139	LK-139			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.372,1	1.372,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.189,6	1.095,6	-94,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.758,3	3.928,2	-830,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
140	LK-140			
a	Diện tích ô đất (m ²)	525,0	525,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	525,0	382,5	-142,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.100,0	1.382,5	-717,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	75,0	-25,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,7	-1,3
e	Số căn (căn)	05	05	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	20	20	Phù hợp
141	LK-141			
a	Diện tích ô đất (m ²)	615,0	615,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	615,0	459,0	-156,0

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.460,0	1.659,0	-801,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	76,7	-23,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,8	-1,2
e	Số căn (căn)	06	06	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	24	24	Phù hợp
142	LK-142			
a	Diện tích ô đất (m ²)	705,0	705,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	705,0	535,5	-169,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.820,0	1.935,5	-884,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	77,9	-22,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,8	-1,2
e	Số căn (căn)	07	07	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	28	28	Phù hợp
143	LK-143			
a	Diện tích ô đất (m ²)	615,0	615,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	615,0	459,0	-156,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.460,0	1.659,0	-801,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	76,7	-23,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,8	-1,2
e	Số căn (căn)	06	06	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	24	24	Phù hợp
144	LK-144			
a	Diện tích ô đất (m ²)	567,0	567,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	567,0	434,7	-132,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.268,0	1.544,6	-723,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	78,2	-21,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,8	-1,2
e	Số căn (căn)	05	05	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	20	20	Phù hợp
145	LK-145			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.206,5	1.206,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.005,0	925,2	-79,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.020,1	3.260,4	-759,7
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,9	-5,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,8	-0,5
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
146	LK-146			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	999,6	878,4	-121,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.998,4	3.124,8	-873,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,3	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
147	LK-147			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.168,0	1.168,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	972,9	877,0	-95,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.891,7	3.098,2	-793,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	76,8	-6,5
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	17	17	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	68	68	Phù hợp
140	LK-148			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.086,0	1.086,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	904,6	827,6	-77,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.618,6	2.913,2	-705,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,5	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
149	LK-149			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.080,0	1.080,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	899,6	780,8	-118,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.598,6	2.777,6	-821,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	74,6	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
150	LK-150			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.080,0	1.080,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	899,6	780,8	-118,8

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.598,6	2.777,6	-821,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	74,6	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
151	LK-151			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.206,0	1.206,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.004,6	925,2	-79,4
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.018,4	3.260,4	-758,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,9	-5,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,8	-0,5
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
152	LK-152			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.206,0	1.206,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.004,6	925,2	-79,4
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.018,4	3.260,4	-758,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,9	-5,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,8	-0,5
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
153	LK-153			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.080,0	1.080,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	899,6	780,8	-118,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.598,6	2.777,6	-821,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	74,6	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
154	LK-154			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.080,0	1.080,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	899,6	780,8	-118,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.598,6	2.777,6	-821,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	74,6	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
155	LK-155			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.086,0	1.086,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	904,6	827,6	-77,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.618,6	2.913,2	-705,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,5	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
156	LK-156			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.361,5	1.361,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.180,4	1.086,6	-93,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.721,8	3.890,2	-831,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
157	LK-157			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.350,0	1.350,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.170,5	1.020,8	-149,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.681,8	3.689,6	-992,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,0	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
158	LK-158			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.350,0	1.350,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.170,5	1.020,8	-149,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.681,8	3.689,6	-992,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,0	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
159	LK-159			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.511,5	1.511,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.310,5	1.214,2	-96,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.242,0	4.351,4	-890,6

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,5	-5,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
160	LK-160			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.040,4	891,6	-148,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.161,6	3.214,2	-947,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	76,8	-9,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
161	LK-161			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.350,0	1.350,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.170,5	1.020,8	-149,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.681,8	3.675,2	-1.006,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,0	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
162	LK-162			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.350,0	1.350,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.170,5	1.020,8	-149,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.681,8	3.675,2	-1.006,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,0	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
163	LK-163			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.184,0	1.184,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.026,5	935,8	-90,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.106,1	3.326,2	-779,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,5	-6,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
164	LK-164			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.184,0	1.184,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.026,5	935,8	-90,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.106,1	3.326,2	-779,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,5	-6,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
165	LK-165			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.350,0	1.350,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.170,5	1.020,8	-149,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.681,8	3.675,2	-1.006,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,0	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
166	LK-166			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.350,0	1.350,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.170,5	1.020,8	-149,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.681,8	3.675,2	-1.006,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,0	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
167	LK-167			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.040,4	891,6	-148,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.161,6	3.214,2	-947,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	76,8	-9,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
168	LK-168			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.040,4	891,6	-148,8

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.161,6	3.214,2	-947,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	76,8	-9,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
169	LK-169			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.350,0	1.350,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.170,5	1.020,8	-149,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.681,8	3.675,2	-1.006,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,0	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
170	LK-170			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.350,0	1.350,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.170,5	1.020,8	-149,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.681,8	3.675,2	-1.006,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,0	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
171	LK-171			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.184,0	1.184,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.026,5	935,8	-90,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.106,1	3.326,2	-779,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,5	-6,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
172	LK-172			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.184,0	1.184,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.026,5	935,8	-90,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.106,1	3.326,2	-779,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,5	-6,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
173	LK-173			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.350,0	1.350,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.170,5	1.020,8	-149,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.681,8	3.675,2	-1.006,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,0	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
174	LK-174			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.350,0	1.350,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.170,5	1.020,8	-149,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.681,8	3.675,2	-1.006,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,0	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
175	LK-175			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.040,4	891,6	-148,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.161,6	3.214,2	-947,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	76,8	-9,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
176	LK-176			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.040,4	891,6	-148,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.161,6	3.214,2	-947,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	76,8	-9,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
177	LK-177			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.350,0	1.350,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.170,5	1.020,8	-149,7

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.681,8	3.675,2	-1.006,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,0	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
178	LK-178			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.350,0	1.350,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.170,5	1.020,8	-149,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.681,8	3.675,2	-1.006,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,0	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
179	LK-179			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.179,5	1.179,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.022,6	931,3	-91,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.090,5	3.312,0	-778,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,4	-6,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
180	LK-180			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.174,0	1.174,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.017,9	925,8	-92,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.071,4	3.293,0	-778,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,3	-6,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
181	LK-181			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.146,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.133,0	-1.069,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,7	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
182	LK-182			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.146,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.133,0	-1.069,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,7	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
183	LK-183			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.230,0	1.230,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.066,4	917,6	-148,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.265,6	3.306,4	-959,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	77,3	-9,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
184	LK-184			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.230,0	1.230,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.066,4	917,6	-148,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.265,6	3.306,4	-959,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	77,3	-9,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
185	LK-185			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.146,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.133,0	-1.069,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,7	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
186	LK-186			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.146,8	-153,7

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.133,0	-1.069,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,7	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
187	LK-187			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.184,0	1.184,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.026,5	935,8	-90,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.106,1	3.326,2	-779,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,5	-6,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
188	LK-188			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.184,0	1.184,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.026,5	935,8	-90,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.106,1	3.326,2	-779,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,5	-6,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
189	LK-189			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.146,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.133,0	-1.069,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,7	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
190	LK-190			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.146,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.133,0	-1.069,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,7	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
191	LK-191			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.230,0	1.230,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.066,4	917,6	-148,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.265,6	3.306,4	-959,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	77,3	-9,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	917,6	-148,8
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
192	LK-192			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.230,0	1.230,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.066,4	917,6	-148,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.265,6	3.306,4	-959,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	77,3	-9,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
193	LK-193			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.146,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.133,0	-1.069,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,7	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
194	LK-194			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.146,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.133,0	-1.069,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,7	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
195	LK-195			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.184,0	1.184,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.026,5	935,8	-90,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.106,1	3.326,2	-779,9

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,5	-6,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
196	LK-196			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.174,0	1.174,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.017,9	925,8	-82,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.071,4	3.293,0	-745,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	80,3	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
197	LK-197			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.146,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.133,0	-1.069,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,7	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
198	LK-198			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.146,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.133,0	-1.069,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,7	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
199	LK-199			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.230,0	1.230,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.066,4	917,6	-148,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.265,6	3.306,4	-959,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	77,3	-9,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
200	LK-200			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.527,6	1.527,6	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.324,4	1.226,7	-97,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.297,8	4.402,1	-895,7
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,5	-5,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
201	LK-201			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.148,4	-152,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.150,8	-1.051,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
202	LK-202			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.148,4	-152,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.150,8	-1.051,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,8	-7,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
203	LK-203			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.377,5	1.377,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.194,3	1.099,2	-95,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.777,2	3.912,8	-864,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
204	LK-204			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.097,0	1.097,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	913,8	835,2	-78,6

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.655,2	2.947,8	-707,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,4	-5,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
205	LK-205			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	999,6	878,4	-121,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.998,4	3.124,8	-873,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,3	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
206	LK-206			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	999,6	878,4	-121,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.998,4	3.124,8	-873,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,3	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
207	LK-207			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.226,9	1.226,9	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.022,0	942,2	-79,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.088,0	3.327,2	-760,8
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	78,0	-5,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,8	-0,5
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
208	LK-208			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.226,9	1.226,9	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.022,0	942,2	-79,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.088,0	3.327,2	-760,8
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	78,0	-5,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,8	-0,5
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
209	LK-209			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	999,6	878,4	-121,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.998,4	3.124,8	-873,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,3	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
210	LK-210			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	999,6	878,4	-121,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.998,4	3.124,8	-873,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,3	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
211	LK-211			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.097,0	1.097,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	913,8	835,2	-78,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.655,2	2.947,8	-707,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,4	-5,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
212	LK-212			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.542,6	1.542,6	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.349,8	1.254,9	-94,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.399,2	4.471,4	-927,8
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	87,5	82,5	-5,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
213	LK-213			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.802,0	1.802,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.576,8	1.416,0	-160,8

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	6.307,0	5.083,2	-1.223,8
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	87,5	80,3	-7,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
214	LK-214			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.802,0	1.802,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.576,8	1.416,0	-160,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	6.307,0	5.083,2	-1.223,8
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	87,5	80,3	-7,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
215	LK-215			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.547,1	1.547,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.353,7	1.259,3	-94,4
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.415,0	4.482,6	-932,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	87,5	82,5	-5,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
216	LK-216			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.363,1	1.363,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.181,8	1.086,8	-95,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.727,1	3.887,2	-839,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
217	LK-217			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.276,0	-154,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.612,0	-1.110,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,4	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
218	LK-218			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.650,0	1.650,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.430,6	1.276,0	-154,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.722,2	4.612,0	-1.110,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	79,4	-7,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
218	LK-219			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.372,1	1.372,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.189,6	1.095,6	-94,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.758,3	3.928,2	-830,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,1	-5,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
220	LK-220			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.094,4	1.094,4	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	911,7	834,4	-77,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.646,7	2.943,8	-702,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,5	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
221	LK-221			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.320,0	1.320,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.099,6	976,0	-123,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.398,2	3.472,0	-926,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,9	-7,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
222	LK-222			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.320,0	1.320,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.099,6	976,0	-123,6

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.398,2	3.472,0	-926,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,9	-7,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
223	LK-223			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.085,4	1.085,4	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	904,2	825,8	-78,4
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.616,7	2.916,4	-700,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,4	-5,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
224	LK-224			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.085,4	1.085,4	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	904,2	825,8	-78,4
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.616,7	2.916,4	-700,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,4	-5,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
225	LK-225			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.320,0	1.320,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.099,6	976,0	-123,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.398,2	3.472,0	-926,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,9	-7,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
226	LK-226			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.320,0	1.320,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.099,6	976,0	-123,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.398,2	3.472,0	-926,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,9	-7,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
227	LK-227			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.094,4	1.094,4	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	911,7	834,4	-77,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.646,7	2.943,8	-702,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,5	-5,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
228	LK-228			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.615,1	1.615,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.413,2	1.304,5	-108,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.653,0	4.642,2	-1.010,8
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	87,5	82,0	-5,5
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
229	LK-229			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.802,0	1.802,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.576,8	1.416,0	-160,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	6.307,0	5.083,2	-1.223,8
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	87,5	80,3	-7,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
230	LK-230			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.802,0	1.802,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.576,8	1.416,0	-160,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	6.307,0	5.083,2	-1.223,8
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	87,5	80,3	-7,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
231	LK-231			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.610,6	1.610,6	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.409,3	1.300,6	-108,7

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.637,2	4.631,7	-1.005,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	87,5	82,0	-5,5
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
232	LK-232			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.511,5	1.511,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.310,5	1.214,2	-96,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.242,0	4.351,4	-890,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,5	-5,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
233	LK-233			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.350,0	1.350,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.170,5	1.020,8	-149,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.681,8	3.689,6	-992,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,0	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
234	LK-234			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.350,0	1.350,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.170,5	1.020,8	-149,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.681,8	3.689,6	-992,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,0	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
235	LK-235			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.352,5	1.352,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.172,6	1.078,0	-94,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.690,5	3.862,6	-827,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,0	-5,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
236	LK-236			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.077,0	1.077,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	897,1	819,0	-78,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.588,6	2.886,4	-702,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,4	-5,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
237	LK-237			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.080,0	1.080,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	899,6	780,8	-118,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.598,6	2.777,6	-821,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	74,6	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
238	LK-238			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.080,0	1.080,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	899,6	780,8	-118,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.598,6	2.777,6	-821,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	74,6	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
239	LK-239			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.206,0	1.206,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.004,6	925,2	-79,4
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.018,4	3.260,4	-758,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,9	-5,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,8	-0,5
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
240	LK-240			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.206,0	1.206,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.004,6	925,2	-79,4

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.018,4	3.260,4	-758,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,9	-5,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,8	-0,5
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
241	LK-241			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.080,0	1.080,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	899,6	780,8	-118,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.598,6	2.777,6	-821,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	74,6	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
242	LK-242			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.080,0	1.080,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	899,6	780,8	-118,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.598,6	2.777,6	-821,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	74,6	-8,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
243	LK-243			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.077,0	1.077,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	897,1	819,0	-78,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.588,6	2.886,4	-702,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	77,4	-5,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
244	LK-244			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.552,2	1.552,2	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.358,2	1.263,6	-94,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.432,7	4.503,5	-929,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	87,5	82,5	-5,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
245	LK-245			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.598,0	1.598,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.398,3	1.239,0	-159,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.593,0	4.447,8	-1.145,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	87,5	79,4	-8,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
246	LK-246			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.598,0	1.598,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.398,3	1.239,0	-159,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.593,0	4.447,8	-1.145,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	87,5	79,4	-8,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
247	LK-247			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.552,2	1.552,2	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.358,2	1.263,6	-94,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.432,7	4.503,5	-929,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	87,5	82,5	-5,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
248	LK-248			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.202,9	1.202,9	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.002,0	925,8	-76,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.007,9	3.276,6	-731,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	78,0	-5,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,8	-0,5
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
249	LK-249			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	999,6	876,8	-122,8

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.998,4	3.148,4	-850,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,3	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
250	LK-250			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.200,0	1.200,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	999,6	876,8	-122,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.998,4	3.148,4	-850,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	75,3	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,7	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
251	LK-251			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.202,9	1.202,9	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.002,0	925,8	-76,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	4.007,9	3.276,6	-731,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	83,3	78,0	-5,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,3	2,8	-0,5
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
252	LK-252			
a	Diện tích ô đất (m ²)	930,0	930,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	837,0	747,4	-89,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.348,0	2.494,7	-853,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	90,0	82,4	-7,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,6	2,8	-0,8
e	Số căn (căn)	08	08	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	32	32	Phù hợp
253	LK-253			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.000,0	1.000,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	900,0	792,2	-107,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.600,0	2.672,3	-927,7
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	90,0	81,6	-8,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,6	2,8	-0,8
e	Số căn (căn)	09	09	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	36	36	Phù hợp
254	LK-254			
a	Diện tích ô đất (m ²)	930,0	930,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	837,0	747,4	-89,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.348,0	2.494,7	-853,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	90,0	82,4	-7,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,6	2,8	-0,8
e	Số căn (căn)	08	08	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	32	32	Phù hợp
255	LK-255			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.507,6	1.507,6	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.307,1	1.214,6	-92,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.228,3	4.320,8	-907,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,7	-5,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
256	LK-256			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.146,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.133,0	-1.069,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,7	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
257	LK-257			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.146,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.133,0	-1.069,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,7	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
258	LK-258			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.507,6	1.507,6	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.307,1	1.214,6	-92,5

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.228,3	4.320,8	-907,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,7	-5,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
259	LK-259			
a	Diện tích ô đất (m ²)	559,0	559,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	559,0	438,4	-120,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.236,0	1.449,4	-786,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	80,2	-19,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,7	-1,3
e	Số căn (căn)	05	05	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	20	20	Phù hợp
260	LK-260			
a	Diện tích ô đất (m ²)	559,0	559,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	559,0	438,4	-120,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.236,0	1.449,4	-786,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	80,2	-19,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,7	-1,3
e	Số căn (căn)	05	05	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	20	20	Phù hợp
261	LK-261			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.507,6	1.507,6	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.307,1	1.214,6	-92,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.228,3	4.320,8	-907,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,7	-5,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
262	LK-262			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.146,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.133,0	-1.069,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,7	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
263	LK-263			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.500,0	1.500,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.300,5	1.146,8	-153,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.202,0	4.133,0	-1.069,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	78,7	-8,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,8	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
264	LK-264			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.507,6	1.507,6	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.307,1	1.214,6	-92,5
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.228,3	4.320,8	-907,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	86,7	81,7	-5,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
265	LK-265			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.030,0	1.030,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	927,0	837,2	-89,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.708,0	2.793,4	-914,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	90,0	83,7	-6,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,6	2,8	-0,8
e	Số căn (căn)	09	09	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	36	36	Phù hợp
266	LK-266			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.000,0	1.000,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	900,0	792,2	-107,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.600,0	2.672,3	-927,7
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	90,0	81,6	-8,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,6	2,8	-0,8
e	Số căn (căn)	09	09	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	36	36	Phù hợp
267	LK-267			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.020,0	1.020,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	918,0	833,4	-84,6

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.672,0	2.781,6	-890,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	90,0	83,4	-6,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,6	2,8	-0,8
e	Số căn (căn)	09	09	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	36	36	Phù hợp
268	LK-268			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.598,7	1.598,7	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.410,1	1.293,4	-116,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.640,2	4.669,3	-970,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,2	82,1	-6,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	3,0	-0,5
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
269	LK-269			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.802,0	1.802,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.589,4	1.417,6	-171,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	6.357,5	5.177,6	-1.179,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,2	80,5	-7,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
270	LK-270			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.802,0	1.802,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.589,4	1.417,6	-171,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	6.357,5	5.177,6	-1.179,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,2	80,5	-7,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,9	-0,6
e	Số căn (căn)	16	16	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	64	64	Phù hợp
271	LK-271			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.598,7	1.598,7	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.410,1	1.293,4	-116,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.640,2	4.669,3	-970,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,2	82,1	-6,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	3,0	-0,5
e	Số căn (căn)	14	14	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	56	56	Phù hợp
272	LK-272			
a	Diện tích ô đất (m ²)	559,0	559,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	559,0	438,4	-120,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.236,0	1.449,4	-786,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	80,2	-19,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,7	-1,3
e	Số căn (căn)	05	05	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	20	20	Phù hợp
273	LK-273			
a	Diện tích ô đất (m ²)	559,0	559,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	559,0	438,4	-120,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.236,0	1.449,4	-786,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	100,0	80,2	-19,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	4,0	2,7	-1,3
e	Số căn (căn)	05	05	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	20	20	Phù hợp
274	LK-274			
a	Diện tích ô đất (m ²)	807,7	807,7	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	714,0	627,3	-86,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.856,1	2.097,2	-758,9
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	79,0	-9,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,6	-0,9
e	Số căn (căn)	06	06	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	24	24	Phù hợp
275	LK-275			
a	Diện tích ô đất (m ²)	940,0	940,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	831,0	706,0	-125,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	3.323,8	2.383,2	-940,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	77,0	-11,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,6	-0,9
e	Số căn (căn)	07	07	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	28	28	Phù hợp
276	LK-276			
a	Diện tích ô đất (m ²)	837,0	837,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	739,9	637,5	-102,4

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.959,5	2.128,4	-831,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	88,4	77,8	-10,6
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	3,5	2,6	-0,9
e	Số căn (căn)	06	06	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	24	24	Phù hợp
II	Nhà ở biệt thự			
277	BT-001			
a	Diện tích ô đất (m ²)	5.391,6	5.391,6	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	2.695,8	2.655,6	-40,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	10.783,3	8.708,6	-2.074,7
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	50,0	49,3	-0,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,0	1,6	-0,4
e	Số căn (căn)	19	19	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	76	76	Phù hợp
278	BT-002			
a	Diện tích ô đất (m ²)	6.999,5	6.999,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	3.499,7	3.399,6	-100,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	13.999,0	11.263,7	-2.735,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	50,0	48,7	-1,3
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,0	1,6	-0,4
e	Số căn (căn)	24	24	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	96	96	Phù hợp
279	BT-003			
a	Diện tích ô đất (m ²)	7.247,0	7.247,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	3.623,5	3.533,5	-90,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	14.494,0	11.691,0	-2.803,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	50,0	48,9	-1,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,0	1,6	-0,4
e	Số căn (căn)	25	25	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	100	100	Phù hợp
280	BT-004			
a	Diện tích ô đất (m ²)	6.666,3	6.666,3	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	3.333,1	3.246,0	-87,1
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	13.332,5	10.752,0	-2.580,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	50,0	48,8	-1,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,0	1,6	-0,4

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
e	Số căn (căn)	23	23	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	92	92	Phù hợp
281	BT-005			
a	Diện tích ô đất (m ²)	6.147,4	6.147,4	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	3.073,7	2.991,0	-82,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	12.294,7	9.921,2	-2.373,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	50,0	48,8	-1,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,0	1,6	-0,4
e	Số căn (căn)	21	21	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	84	84	Phù hợp
282	BT-006			
a	Diện tích ô đất (m ²)	6.017,8	6.017,8	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	3.008,9	2.906,0	-102,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	12.035,6	9.613,3	-2.422,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	50,0	48,3	-1,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,0	1,6	-0,4
e	Số căn (căn)	21	21	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	84	84	Phù hợp
283	BT-007			
a	Diện tích ô đất (m ²)	7.258,2	7.258,2	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	3.629,1	3.520,3	-108,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	14.516,4	11.681,6	-2.834,8
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	50,0	48,6	-1,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,0	1,6	-0,4
e	Số căn (căn)	25	25	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	100	100	Phù hợp
284	BT-008			
a	Diện tích ô đất (m ²)	1.318,9	1.318,9	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	659,5	635,1	-24,4
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	2.637,9	2.092,3	-545,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	50,0	48,1	-1,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,0	1,6	-0,4
e	Số căn (căn)	05	05	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	20	20	Phù hợp
285	BT-009			
a	Diện tích ô đất (m ²)	2.534,2	2.534,2	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.267,1	1.164,9	-102,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.068,4	3.936,0	-1.132,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	50,0	45,8	-4,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,0	1,5	-0,5
e	Số căn (căn)	09	09	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	36	36	Phù hợp
286	BT-010			
a	Diện tích ô đất (m ²)	2.569,4	2.569,4	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.284,7	1.183,7	-101,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.138,9	3.994,4	-1.144,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	50,0	46,1	-3,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,0	1,6	-0,4
e	Số căn (căn)	09	09	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	36	36	Phù hợp
287	BT-011			
a	Diện tích ô đất (m ²)	2.625,0	2.625,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.312,5	1.216,8	-95,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.249,9	4.075,3	-1.174,6
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	50,0	46,3	-3,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,0	1,5	-0,5
e	Số căn (căn)	09	09	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	36	36	Phù hợp
288	BT-012			
a	Diện tích ô đất (m ²)	2.686,5	2.686,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.343,3	1.250,0	-93,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	5.373,0	4.215,2	-1.157,8
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	50,0	46,6	-3,4
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,0	1,6	-0,4
e	Số căn (căn)	09	09	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	36	36	Phù hợp
289	BT-013			
a	Diện tích ô đất (m ²)	501,1	501,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	318,2	239,2	-79,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	1.272,8	801,8	-471,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	63,5	47,7	-15,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,5	1,6	-0,9
e	Số căn (căn)	02	02	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	08	08	Phù hợp
290	BT-014			
a	Diện tích ô đất (m ²)	501,1	501,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	318,2	239,2	-79,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	1.272,8	801,8	-471,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	63,5	47,7	-15,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,5	1,6	-0,9
e	Số căn (căn)	02	02	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	08	08	Phù hợp
291	BT-015			
a	Diện tích ô đất (m ²)	501,1	501,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	318,2	239,2	-79,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	1.272,8	801,8	-471,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	63,5	47,7	-15,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,5	1,6	-0,9
e	Số căn (căn)	02	02	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	08	08	Phù hợp
292	BT-016			
a	Diện tích ô đất (m ²)	501,1	501,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	318,2	239,2	-79,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	1.272,8	801,8	-471,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	63,5	47,7	-15,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,5	1,6	-0,9
e	Số căn (căn)	02	02	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	08	08	Phù hợp
293	BT-017			
a	Diện tích ô đất (m ²)	501,1	501,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	318,2	239,2	-79,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	1.272,8	801,8	-471,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	63,5	47,7	-15,8
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,5	1,6	-0,9
e	Số căn (căn)	02	02	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	08	08	Phù hợp
294	BT-018			
a	Diện tích ô đất (m ²)	489,0	489,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	310,5	224,2	-86,3

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	1.242,1	746,0	-496,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	63,5	45,8	-17,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,5	1,5	-1,0
e	Số căn (căn)	02	02	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	08	08	Phù hợp
295	BT-019			
a	Diện tích ô đất (m ²)	489,0	489,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	310,5	224,2	-86,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	1.242,1	746,0	-496,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	63,5	45,8	-17,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,5	1,5	-1,0
e	Số căn (căn)	02	02	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	08	08	Phù hợp
296	BT-020			
a	Diện tích ô đất (m ²)	489,0	489,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	310,5	224,2	-86,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	1.242,1	746,0	-496,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	63,5	45,8	-17,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,5	1,5	-1,0
e	Số căn (căn)	02	02	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	08	08	Phù hợp
297	BT-021			
a	Diện tích ô đất (m ²)	489,0	489,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	310,5	224,2	-86,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	1.242,1	746,0	-496,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	63,5	45,8	-17,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,5	1,5	-1,0
e	Số căn (căn)	02	02	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	08	08	Phù hợp
298	BT-022			
a	Diện tích ô đất (m ²)	489,0	489,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	310,5	224,2	-86,3
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	1.242,1	746,0	-496,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	63,5	45,8	-17,7
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,5	1,5	-1,0
e	Số căn (căn)	02	02	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
h	Dân số (người)	08	08	Phù hợp
299	BT-023			
a	Diện tích ô đất (m ²)	4.567,0	4.567,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	2.740,2	2.465,0	-275,2
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	10.960,8	8.005,4	-2.955,4
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	60,0	53,9	-6,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,4	1,8	-0,6
e	Số căn (căn)	30	30	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	120	120	Phù hợp
300	BT-024			
a	Diện tích ô đất (m ²)	3.818,5	3.818,5	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	2.291,1	2.038,3	-252,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	9.164,4	6.625,9	-2.538,5
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	60,0	53,5	-6,5
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,4	1,7	-0,7
e	Số căn (căn)	25	25	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	100	100	Phù hợp
301	BT-025			
a	Diện tích ô đất (m ²)	2.700,0	2.700,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.620,0	1.454,4	-165,6
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	6.480,0	4.717,8	-1.762,2
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	60,0	53,9	-6,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,4	1,7	-0,7
e	Số căn (căn)	18	18	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	72	72	Phù hợp
302	BT-026			
a	Diện tích ô đất (m ²)	3.667,0	3.667,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	2.200,2	1.980,2	-220,0
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	8.800,8	6.432,8	-2.368,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	60,0	54,0	-6,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,4	1,8	-0,6
e	Số căn (căn)	24	24	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	96	96	Phù hợp
303	BT-027			
a	Diện tích ô đất (m ²)	3.013,1	3.013,1	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.687,3	1.622,4	-64,9
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	6.749,2	5.272,6	-1.476,6

TT	Nội dung	Quy hoạch chi tiết 1/500 (1)	TKCS trình thẩm định (2)	Đánh giá (1) - (2)
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	56,0	53,8	-2,2
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,2	1,7	-0,5
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
304	BT-028			
a	Diện tích ô đất (m ²)	3.017,6	3.017,6	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.689,8	1.625,0	-64,8
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	6.759,3	5.278,3	-1.481,0
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	56,0	53,9	-2,1
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,2	1,7	-0,5
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
305	BT-029			
a	Diện tích ô đất (m ²)	3.134,0	3.134,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.817,7	1.698,0	-119,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	7.270,9	5.526,8	-1.744,1
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	58,0	54,1	-3,9
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,3	1,8	-0,5
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp
306	BT-030			
a	Diện tích ô đất (m ²)	3.086,0	3.086,0	Phù hợp
b	Diện tích xây dựng (m ²)	1.789,9	1.669,2	-120,7
c	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	7.159,5	5.431,2	-1.728,3
d	Mật độ xây dựng tối đa (%)	58,0	54,0	-4,0
đ	Hệ số sử dụng đất (lần)	2,3	1,8	-0,5
e	Số căn (căn)	20	20	Phù hợp
g	Số tầng cao (tầng)	04	04	Phù hợp
h	Dân số (người)	80	80	Phù hợp

Chủ đầu tư báo cáo cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng tại địa phương về việc giảm một số chỉ tiêu quy hoạch (mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất) so với quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 để quản lý về đầu tư xây dựng.

2.2 Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch cấp trên

Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Hậu Nghĩa – Đức Hòa được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An phê duyệt tại Quyết định số 18836/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 căn cứ đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu vực thị trấn Hậu Nghĩa được Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa phê

duyet tại Quyết định số 3426/QĐ-UBND ngày 06/6/2019, điều chỉnh tại Quyết định số 15934/QĐ-UBND ngày 07/10/2024; phù hợp chức năng sử dụng đất tại đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An phê duyệt tại Quyết định số 6837/QĐ-UBND ngày 10/7/2024.

Bảng 5: So sánh chỉ tiêu tại thiết kế cơ sở với đồ án quy hoạch chi tiết, đồ án quy hoạch phân khu

TT	Nội dung	QHPK 1/2000	QHCT 1/500	TKCS trình thẩm định	Nhận xét
1	Chức năng sử dụng đất	Đất nhóm nhà ở	Đất nhà ở liền kề, biệt thự	Đất nhà ở liền kề, biệt thự	Phù hợp
2	Mật độ xây dựng	80 ÷ 90%	50 ÷ 100%	45,8 ÷ 83,7%	Phù hợp
3	Tầng cao	01 ÷ 05	04	04	Phù hợp
4	Dân số	18.288	18.288	18.288	Phù hợp

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận, với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có) theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP

3.1. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư

Dự án Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa tại thị trấn Hậu Nghĩa, xã Đức Lập Thượng, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/4/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 9763/QĐ-UBND ngày 20/10/2023.

Bảng 6: So sánh sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư

TT	Nội dung	Chủ trương đầu tư	BCNCKT trình thẩm định	Đánh giá/ Ghi chú
1	Tên dự án	Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa	Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa	Phù hợp
2	Mục tiêu đầu tư	Hình thành khu vực phát triển đô thị mới, tiện nghi về nghỉ dưỡng, thương mại, dịch vụ; hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật;...	Hình thành khu vực phát triển đô thị mới, tiện nghi về nghỉ dưỡng, thương mại, dịch vụ; hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật;...	Phù hợp
3	Quy mô dự án	Biệt thự, nhà liền kề, chung cư, đất nền tái định cư, nhà ở xã hội,...	Biệt thự, nhà liền kề, chung cư, đất nền tái định cư, nhà ở xã hội,...	Phù hợp
4	Tổng mức đầu tư	28.257,877 tỷ đồng	28.257,877 tỷ đồng	Phù hợp
	- Nhà ở thấp tầng	-	10.652,2 tỷ đồng	-
5	Tiến độ thực hiện	Tháng 10/2029	Tháng 10/2029	Phù hợp

3.2. Về việc thực hiện nghĩa vụ nhà ở xã hội

Mục 4 Điều 1 Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ xác định quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội chiếm khoảng 20% tổng diện tích đất ở của dự án; theo Quyết định số 18836/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa, diện tích đất nhà ở xã hội khoảng 155.530,3m² (tương ứng 20,5% đất ở mới của dự án). Khi triển khai các giai đoạn tiếp theo của dự án, chủ đầu tư chịu trách nhiệm triển khai các hạng mục nhà ở xã hội theo đúng quy định.

3.3. Kế hoạch xây dựng, hoàn thành công trình hạ tầng kỹ thuật và thực hiện của các dự án thành phần hoặc giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị

Tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng trình thẩm định có nêu phạm vi đất xây dựng và công trình thuộc dự án thực hiện bàn giao cho cơ quan nhà nước quản lý. Chủ đầu tư có trách nhiệm trong việc xây dựng công trình công cộng, đường giao thông hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở trong dự án theo quy định của pháp luật về nhà ở; cần phối hợp với các cơ quan chức năng tại địa phương để xác định cụ thể về thời gian, kế hoạch thực hiện phân kỳ đầu tư các công trình hạ tầng xã hội (công trình văn hóa, y tế, giáo dục, thương mại dịch vụ, cây xanh, cảnh quan,...) để phục vụ người dân đến sinh sống tại dự án; cần có phương án quản lý, bàn giao, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định; đồng thời có trách nhiệm quản lý, vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cung cấp dịch vụ công ích cho người dân theo quy định.

4. Khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật

Dự án Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa tại thị trấn Hậu Nghĩa, xã Đức Lập Thượng, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã được Cục Quản lý hoạt động xây dựng thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hạng mục Hạ tầng kỹ thuật, giao thông tại Văn bản số 82/HĐXD-QLDA ngày 28/02/2025. Khi triển khai các bước tiếp theo, chủ đầu tư cần tiếp tục rà soát, thực hiện các nội dung yêu cầu (nếu có) của các đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật tại khu vực đảm bảo phù hợp theo quy định.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường

Giải pháp thiết kế cơ sở công trình Nhà ở thấp tầng của dự án Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa tại thị trấn Hậu Nghĩa, xã Đức Lập Thượng, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An được tư vấn đề xuất, chủ đầu tư chấp thuận trình thẩm định đảm bảo hợp lý về an toàn xây dựng, phù hợp với quy mô và tải trọng công trình, đảm bảo với tiêu chuẩn yêu cầu. Trong bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, khi có đầy đủ số liệu khảo sát địa chất công trình và

thiết kế chi tiết ở giai đoạn này, chủ đầu tư cần tổ chức thẩm định theo quy định tại Điều 83 Luật Xây dựng để kết luận về bảo đảm an toàn xây dựng công trình và an toàn cho công trình lân cận theo quy định.

Các công trình Nhà ở thấp tầng của dự án không thuộc danh mục dự án, công trình do cơ quan cảnh sát về phòng cháy và chữa cháy thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. Chủ đầu tư căn cứ quy định để đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy cho các công trình nhà ở thấp tầng thuộc dự án.

Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3373/QĐ-BTNMT ngày 22/10/2024.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Giải pháp thiết kế cơ sở tại hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh trình thẩm định tuân thủ hệ thống Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng; việc áp dụng các tiêu chuẩn xây dựng phù hợp quy định tại Điều 6 Luật Xây dựng.

Tại hồ sơ trình thẩm định đã đề xuất danh mục tiêu chuẩn áp dụng để lập thiết kế cơ sở. Khi xem xét, chấp thuận danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho Dự án, người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm rà soát, loại bỏ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng đã hết hiệu lực, cập nhật các phiên bản mới đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 6 Luật Xây dựng và Luật Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

VI. KẾT LUẬN

1. Kết luận

Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Nhà ở thấp tầng của dự án Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa tại thị trấn Hậu Nghĩa, xã Đức Lập Thượng, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An chỉ đủ điều kiện để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu tại Mục V.2 Văn bản này đảm bảo tuân thủ quy định.

Trường hợp có sự khác biệt về số liệu và nội dung nêu tại văn bản này với hồ sơ thiết kế cơ sở, đề nghị chủ đầu tư báo cáo về Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng để có ý kiến xác nhận theo quy định.

2. Kiến nghị

Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo của dự án, chủ đầu tư tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm các nội dung sau:

- Tiếp tục nghiên cứu, thực hiện các nội dung đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu hoặc lưu ý tại các văn bản được nêu tại Mục II.1 văn bản

này; hoàn thiện các thủ tục cần thiết của dự án đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, tài nguyên và môi trường, nhà ở, xây dựng cũng như các quy định khác có liên quan trước khi thi công.

- Thiết kế, thi công xây dựng và sử dụng công trình phải có biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận; rác thải phải được thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm nộp bản chụp (định dạng .PDF) tài liệu Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án đã đóng dấu thẩm định về Cục Quản lý hoạt động xây dựng để lưu trữ theo quy định.

Trên đây là thông báo của Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng – Bộ Xây dựng về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Nhà ở thấp tầng của dự án Khu đô thị mới Hậu Nghĩa - Đức Hòa tại thị trấn Hậu Nghĩa, xã Đức Lập Thượng, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu, thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Bùi Xuân Dũng (để b/c);
- UBND tỉnh Long An;
- Sở Xây dựng tỉnh Long An;
- Lưu: VT, TCCS (LDD).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Bùi Văn Dưỡng